

Số: 2394/KH-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Công văn số 1037/TCLN-KHTC ngày 28/6/2018 của Tổng cục lâm nghiệp về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019; UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 như sau:

Phần 1

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018

I. HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP

1. Hiện trạng đất lâm nghiệp

Bắc Giang có tổng diện tích tự nhiên là 389.548 ha, trong đó diện tích đất có rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 168.685 ha (gồm: 57.012 ha rừng tự nhiên, 88.286 ha rừng trồng và 23.387 ha đất chưa có rừng), chiếm 39,2% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó diện tích trong quy hoạch 03 loại rừng là 153.734 ha. Cụ thể:

- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: 31.695 ha (chiếm 18,8%);
- Các công ty, doanh nghiệp lâm nghiệp: 17.459 ha (chiếm 10,4%), trong đó: doanh nghiệp nhà nước: 14.260 ha; doanh nghiệp tư nhân: 3.199 ha;
- Hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn (với khoảng 55.000 hộ): 105.810 ha (chiếm 62,7%);
- Lực lượng vũ trang: 10.326 ha (chiếm 6,1%);
- Diện tích do UBND xã quản lý: 3.395 ha (chiếm 2,0%);

2. Hiện trạng rừng

- Diện tích trong quy hoạch 03 loại rừng có: 153.734 ha, gồm:
 - + Rừng đặc dụng: 13.303 ha (rừng tự nhiên 12.414 ha, rừng trồng 494 ha, đất chưa có rừng 395 ha);
 - + Rừng phòng hộ: 20.709 ha (rừng tự nhiên 14.641 ha, rừng trồng 4.169 ha, đất chưa có rừng 1.899 ha);
 - + Rừng sản xuất: 119.722 ha (rừng tự nhiên 25.297 ha, rừng trồng 73.942 ha, đất chưa có rừng 20.483 ha).
- Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 14.951 ha (rừng tự nhiên 4.660 ha, rừng trồng 9.681 ha, rừng trồng chưa thành rừng 610 ha).
- Tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh hết năm 2017 là: 37,3%.

Rừng Bắc Giang tập trung chủ yếu ở 4 huyện miền núi (Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế) chiếm 95,5% diện tích đất rừng toàn tỉnh. Về cơ bản rừng trên địa bàn tỉnh đã được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng ổn định, lâu dài; để chủ rừng thực thi quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật bảo vệ và phát triển rừng (PTR), các quy định khác liên quan khi được Nhà nước giao, cho thuê. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng rừng và đất rừng tại địa phương, góp phần giải phóng sức sản xuất, tạo điều kiện để các chủ rừng, nhất là các hộ gia đình, cá nhân yên tâm đầu tư công sức và tiền của cho bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích được giao. Vì vậy đã xuất hiện nhiều mô hình bảo vệ kinh doanh rừng có hiệu quả, cho thu nhập cao; rừng ngày càng được bảo vệ và phát triển tốt hơn; tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản, lấn chiếm và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trái pháp luật cơ bản được khắc phục; đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân miền núi đang từng bước được cải thiện.

3. Các nguồn lực hiện có

a) Nguồn vốn đầu tư: Năm 2018 ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác Bảo vệ và phát triển rừng là 31.443,5 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 10.000,0 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang là 5.000,0 triệu đồng;

+ Kinh phí thực hiện dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang là 5.000,0 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 21.443,5 triệu đồng, trong đó:

+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang 4.538,0 triệu đồng (*trông rừng thay thế 4.538,0 triệu đồng*);

+ Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung 283,0 triệu đồng;

+ Cắm mốc ranh giới các khu rừng đặc dụng, phòng hộ 1.996,0 triệu đồng;

+ Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng là 2.031,5 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng là 12.595,0 triệu đồng cho 04 BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

b) Lao động: Rừng trên địa bàn tỉnh đã được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; tạo điều kiện để các chủ rừng yên tâm đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích được giao. Góp phần thực hiện mục tiêu xã hội hoá nghề rừng, phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên

* Công tác bảo vệ rừng

Từ thực tế yêu cầu của công tác bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh

đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp bảo vệ rừng cùng với việc tiếp tục tăng cường lực lượng Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã, phối hợp với chính quyền địa phương, chủ rừng tổ chức tuần tra rừng, kiểm tra các hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến và kinh doanh lâm sản; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản theo quy định của pháp luật;

Từ đầu năm đến nay, công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, số vụ vi phạm về chặt phá rừng tự nhiên trái phép xảy ra 11 vụ phá rừng, diện tích bị phá 9,15 ha; so với cùng kỳ năm 2017, giảm 197 vụ (tương ứng 94,7%), diện tích giảm 103,4 ha (tương ứng 91,8%); lực lượng Kiểm lâm đã kiểm tra, phát hiện lập biên bản 74 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; đã xử phạt vi phạm hành chính 88 vụ, tịch thu trên 90 m³; nộp ngân sách trên 1.400 triệu đồng; so với cùng kỳ năm 2017, số vụ vi phạm giảm 260 vụ = 78%; khối lượng gỗ vi phạm giảm 56 m³ = 45,2 %; tiến hành khởi tố 02 vụ án, 02 bị can.

* Công tác khoán bảo vệ rừng:

- Thực hiện Quyết định số 2000/QĐ-BTC ngày 02/10/2017 của Bộ Tài chính về việc bổ sung dự toán chi cho Chương trình mục tiêu phát triển bền vững năm 2017, tỉnh Bắc Giang được giao kinh phí là 7,2 tỷ đồng để thực hiện việc khoán bảo vệ rừng, tuy nhiên do là thời gian cuối năm đơn vị không tổ chức thực hiện được và đề nghị chuyển sang năm sau (2018 để tổ chức thực hiện);

- Năm 2018 trên địa bàn tỉnh đã thực hiện thực hiện khoán bảo vệ rừng cho cho các BQL rừng đặc dụng, phòng hộ và hỗ trợ khoán BVR cho các Hạt Kiểm lâm huyện với tổng diện tích 30.605 ha, kinh phí thực hiện 11,854 tỷ đồng (Ngân sách trung ương 7,2 tỷ đồng năm 2017 chuyển sang; Ngân sách tỉnh 4,654 tỷ đồng);

Nhìn chung công tác khoán bảo vệ rừng được thực hiện đúng đối tượng; việc lập hồ sơ giao khoán, đơn đốc kiểm tra, tuần tra rừng đều được thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ nhiều, mặt khác phong trào trồng rừng kinh tế phát triển mạnh, dẫn đến tình trạng người dân tự ý chặt phá rừng tự nhiên đã được nhà nước giao quản lý, bảo vệ để trồng rừng kinh tế; vì vậy đề nghị hàng năm bố trí cấp đủ kinh phí thực hiện khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng để hạn chế tình trạng lấn chiếm, phá rừng tự nhiên trong thời gian tới.

- Ngoài ra trên địa bàn tỉnh đã thực hiện việc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung với tổng diện tích 20 ha, kinh phí thực hiện 283 triệu đồng và triển khai thực hiện việc cắm mốc ranh giới khu rừng phòng hộ, đặc dụng với 450 mốc, kinh phí thực hiện là 1.996 triệu đồng.

* Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR): Được UBND các huyện, xã có rừng và các chủ rừng lớn đã chủ động triển khai thực hiện; đã kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo huyện, Ban chỉ huy xã, chủ rừng lớn; đã có 08/08 đơn vị tham mưu cho UBND huyện xây dựng Kế hoạch triển khai phương án PCCCR năm 2018 để tổ chức thực hiện; thành lập được các tổ, đội xung kích thường trực PCCCR sẵn sàng tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra; thường xuyên thông báo kịp thời cấp dự báo cháy rừng xuống các địa phương, đơn vị để chủ động PCCCR;

Chỉ đạo các đơn vị cơ sở rà soát các công trình PCCCR, đề xuất điều chỉnh hạng mục PCCCR cho phù hợp với tình hình thực tế; đôn đốc các Hạt Kiểm lâm thực hiện thi công các công trình PCCCR như: Tu bổ đường băng cản lửa, hạ cấp thực bì; tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền; thi tìm hiểu Luật bảo vệ rừng, các quy định về PCCCR; các cuộc diễn tập PCCCR cấp xã năm 2018 trình phê duyệt; trên địa bàn huyện Yên Dũng tổ chức 01 cuộc thi tìm hiểu Luật bảo vệ phát triển rừng, các quy định về PCCCR tại Trường THCS Nham Sơn cho gần 300 học sinh tham gia;

Xây dựng hồ sơ, dự toán chăm sóc rừng trồng mô hình đường băng xanh cản lửa năm thứ 2- 2018 để tổ chức thực hiện; phối hợp với Hạt KL thành phố tổ chức trồng rừng mô hình đường băng xanh cản lửa, loài cây trồng Vối Thuộc, mật độ trồng 2.222 cây/ diện tích 5.000 m² (chiều rộng 10m chiều dài 500 m), tại thôn Phấn Sơn, xã Đồng Sơn, TP. Bắc Giang;

Tình hình cháy rừng: Từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra 07 vụ cháy rừng, làm thiệt hại 4,82 ha; tổng số người được huy động tham gia chữa cháy là 560 người. So với cùng kỳ năm 2017 giảm 17 vụ (71%), diện tích thiệt hại giảm 29,91 ha (86%).

* Công tác bảo tồn thiên nhiên

Công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng hệ sinh thái rừng tại khu Bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử đã được các cấp các ngành từ trung ương đến địa phương quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí và triển khai nhiều biện pháp nhằm bảo vệ tốt diện tích rừng đặc dụng. Ban quản lý bảo tồn Tây Yên tử thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia bảo vệ đa dạng hệ sinh thái rừng; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các đơn vị kinh doanh du lịch sinh thái chấp hành đúng quy định hiện hành của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên trong rừng đặc dụng; kiểm tra các tuyến, điểm du lịch sinh thái, khu vực rừng giáp ranh, các khu rừng có nguy cơ xảy ra cháy, phá, lấn chiếm đất rừng.

Tuy nhiên, kết quả đạt được trong công tác bảo tồn thiên nhiên chưa thực sự toàn diện, vững chắc; tình trạng chặt phá rừng, khai thác gỗ, săn bắt động vật rừng trái phép, nhỏ lẻ thường xuyên xảy ra; hoạt động du lịch sinh thái, khai thác khoáng sản làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại các khu bảo tồn; đời sống của người dân địa phương còn gặp nhiều khó khăn, tác động tiêu cực đến bảo vệ rừng; kinh phí khoán bảo vệ rừng thấp, diện tích giao khoán chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ rừng đặc dụng nên hiệu quả đạt được chưa cao; một số tổ chức nước ngoài triển khai thực hiện các dự án trong khu bảo tồn hiệu quả đạt được đến đối tượng hưởng lợi còn thấp.

b) Về phát triển, nâng cao năng suất chất lượng rừng

* Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 16 cơ sở sản xuất đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp; các đơn vị cơ sở tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở gieo ươm giống cây trồng lâm nghiệp lựa chọn giống tốt, có nguồn gốc đưa vào gieo ươm; từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã chuẩn bị được gần 25 triệu cây giống các loại để phục vụ trồng rừng năm 2018; cây kiểm soát được nguồn gốc 21,5 triệu cây; cây đã tiêu thụ trong và ngoài tỉnh khoảng hơn 17,0 triệu cây các loại;

Việc ứng dụng chuyển giao các giống cây trồng lâm nghiệp mới đã được công nhận có năng suất cao như các giống Bạch đàn (UP99, UP95, UP54, PNCT3, PN108) và 3 giống Keo lai (BV10, BV33, BV73) sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào, phương pháp giâm hom, đưa vào sản xuất cho thấy bước đầu đều cho năng suất vượt trội (tăng gần 30% sản lượng so với các giống cũ trước đây). Công tác kiểm tra giám sát trong quá trình sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

** Về phát triển rừng*

Thực hiện dự án Bảo vệ và PTR: Đã tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện trồng rừng sản xuất tập trung 190 ha; trồng, chăm sóc rừng phòng hộ năm 1-2018 là 188,5 ha; chăm sóc rừng đặc dụng, phòng hộ năm 2, 3, 4 là 487,5 ha; trồng cây phân tán 384.000 cây các loại.

Tuyên truyền, hướng dẫn chủ rừng lựa chọn giống, mật độ trồng, cuộc hồ đảm bảo theo quy định; từ đầu năm đến nay toàn tỉnh trồng được 1,840 triệu cây phân tán các loại, đạt 108% kế hoạch năm và 4.950 ha rừng trồng tập trung, bằng 99% kế hoạch, vốn của chủ rừng tự bỏ ra thực hiện. Tiếp tục triển khai thực hiện trồng cây đầu dòng thuộc Đề tài nghiên cứu khoa học; thực hiện chăm sóc, bảo vệ 6,35 ha trồng thử nghiệm trên địa bàn huyện Sơn Động, Lục Nam và Yên Thế;

Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu, chăm sóc, bảo vệ cây trồng trong dịp tết trồng cây xuân Mậu Tuất 2018; chăm sóc 7.662,2 ha rừng trồng các loại (trong đó 122 ha rừng phòng hộ và 7.540,2 ha rừng sản xuất tập trung).

c) Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản

** Sử dụng rừng*

Thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, từ năm 2002 tỉnh Bắc Giang không cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên, mà chủ yếu khai thác gỗ rừng trồng; từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh khai thác được 289.634 m³ gỗ các loại, đạt 72,4% kế hoạch, trong đó diện tích khai thác rừng trồng tập trung là 3.726,2 ha, sản lượng gỗ khai thác 282.098,7m³; khai thác cây phân tán 7.535,3 m³; 2,85 triệu cây Tre; 3,3 triệu cây Nứa; 125 tấn song mây và nhiều lâm sản phụ khác; việc khai thác rừng được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước;

** Chế biến lâm sản*

Hiện nay toàn tỉnh có 967 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản, trong đó có 50 cơ sở chế biến là tổ chức, doanh nghiệp (công suất chế biến khoảng 500.000 m³/năm), còn lại 917 cơ sở là hộ kinh doanh cá thể; các cơ sở chế biến chủ yếu quy mô nhỏ, gia công các mặt hàng đồ gỗ, đồ mỹ nghệ, ván bóc, ván ép; chưa có cơ sở chế biến với quy mô lớn, dây chuyền công nghệ hiện đại. Sản phẩm chế biến là các loại: ván bóc, ván ép, đồ mộc dân dụng, dăm gỗ, bột giấy,...

Thị trường tiêu thụ chủ yếu: Ván bóc, ván ép xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc,.. Dăm gỗ cung cấp cho cơ sở chính ở Quảng Ninh để xuất khẩu,.. Hiện nay, khả năng cung cấp gỗ nguyên liệu cho chế biến tại Bắc Giang mới chỉ đáp ứng được khoảng 60% (ván bóc, ván ép, băm dăm, nguyên liệu giấy,..), riêng đồ mộc, đồ gỗ gia dụng chủ yếu sử dụng nguồn gỗ từ tỉnh ngoài và nhập khẩu.

d) Chi trả dịch vụ môi trường rừng

Thực hiện Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; xây dựng và phê duyệt Dự án điều tra, thống kê các loại rừng, đối tượng thuộc bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng tỉnh Bắc Giang; Quy định hệ số K thành phần làm cơ sở để áp dụng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh;

Trên địa bàn tỉnh có 2 đơn vị là Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang và Công ty thủy điện Cẩm Sơn là đơn vị có sử dụng và phải nộp phí chi trả dịch vụ môi trường rừng; tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thu được từ năm 2014 của 02 đơn vị đến nay là 2.202,8 triệu đồng, giao cho Chi cục Kiểm lâm là cơ quan thực hiện nhiệm vụ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

Tuy nhiên, do nguồn thu của tỉnh Bắc Giang thấp, việc chi trả hàng năm sẽ rất khó khăn, nên ngày 27/4/2015 UBND tỉnh đã có Công văn số 108/UBND-KT đồng ý cho phép thực hiện chi trả theo chu kỳ 3-5 năm/lần. Do nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng của tỉnh rất thấp nên số tiền này vẫn được bảo toàn tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang theo quy định; đến nay đã ký kết hợp đồng tư vấn thực hiện nội dung điều tra, thống kê dữ liệu, xây dựng bản đồ để thực hiện chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; hiện nay đơn vị tư vấn đang thực hiện bước ngoại nghiệp (làm việc với các địa phương, thu thập thu thập số liệu...), dự kiến năm 2019 sẽ thực hiện việc chi trả cho chủ rừng theo chu kỳ 5 năm.

2. Tình hình triển khai các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng

Triển khai các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng của Trung ương; UBND tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành, đồng thời ban hành một số Quy định nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương thực hiện trên địa bàn tỉnh:

2.1. Văn bản do Tỉnh ủy ban hành

- Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

2.2. Văn bản do HĐND tỉnh ban hành

- Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của HĐND tỉnh Quy định giá quyền sử dụng rừng và tiền bồi thường thiệt hại đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 14/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020;

2.3. Văn bản do UBND tỉnh ban hành

- Quyết định số 298/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh, Quy định nội dung chi, mức chi cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện thực hiện nhiệm vụ đột xuất ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 299/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Quy định hệ số K thành phần, làm cơ sở để áp dụng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 508/2016/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang Quyết định về việc quy định một số nội dung hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh bắc giang, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 1057/KH-UBND ngày 6/4/2018 của UBND tỉnh, Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2018 và 3 năm 2018-2020.

III. TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại

- Việc đầu tư trồng rừng gỗ lớn còn ít; sản lượng gỗ khai thác hàng năm tăng mạnh nhưng chủ yếu để phục vụ cho chế biến thô, ván bóc, băm dăm. Tính liên kết trong sản xuất lâm nghiệp giữa doanh nghiệp chế biến với hộ trồng rừng chưa hình thành,... Chưa có nhà máy chế biến sâu với công nghệ hiện đại, sản xuất sản phẩm có giá trị cao cung cấp cho thị trường và xuất khẩu; giá trị sản xuất lâm nghiệp đóng góp vào thu nhập (GDP) của địa phương còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng;

- Công tác quản lý bảo vệ rừng còn nhiều áp lực do tình trạng chặt phá, chuyển đổi rừng tự nhiên trái phép sang trồng rừng kinh tế vẫn xảy ra, nhất là địa bàn huyện Sơn Động, Lục Ngạn.

- Cháy rừng vẫn diễn biến hết sức phức tạp và luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng cao ở hầu hết các vùng trên địa bàn toàn tỉnh; việc điều tra đối tượng gây cháy rừng để xử lý theo quy định của pháp luật còn hạn chế.

2. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực hiện tốt quy định trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm người đứng đầu địa phương đơn vị không cao; chủ rừng chưa thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ rừng. Công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm có dấu hiệu hình sự còn chậm, hiệu quả không cao.

- Hiệu quả từ trồng rừng kinh tế cho thu nhập cao (khoảng 20-30 triệu đồng/ha/năm), trong khi nhiều hộ gia đình miền núi chủ yếu được giao rừng tự nhiên nghèo và nghèo kiệt trước mắt không cho thu nhập, trong khi thiếu đất sản xuất nên tìm cách phá bỏ lấy đất trồng rừng kinh tế.

- Đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách (cả kinh phí trung ương và địa phương) cho sản xuất lâm nghiệp còn rất thấp; cơ chế, chính sách về lâm nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ nhưng không có kinh phí đầu tư, hoặc đầu tư thấp, không đáng kể để thực hiện; kinh phí đầu tư cho sản xuất lâm nghiệp còn chưa tương xứng với quy mô, nhất là cơ chế hỗ trợ đầu tư khoanh nuôi làm giàu rừng tự nhiên.

3. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

- Công tác quản lý giống cây trồng mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tuy nhiên trên địa bàn tỉnh một số cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp nhỏ lẻ (do UBND cấp xã quản lý theo quy định của Nhà nước) chưa thực hiện đề nghị chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con, tình trạng một số cơ sở, cá nhân nhập trái phép cây mô bạch đàn về gieo ươm để trồng rừng (cây giống Bạch đàn Trung Quốc) vẫn xảy ra và có xu hướng tăng.

- Tình trạng phát rừng tự nhiên để trồng rừng kinh tế trong thời gian tới dự báo sẽ tiếp tục diễn ra do hiệu quả của rừng trồng kinh tế hiện nay cho thu nhập cao; diện tích đất rừng giao cho các hộ gia đình chủ yếu là rừng tự nhiên nghèo kiệt (trữ lượng gỗ rất thấp khoảng 10 m³/ha), hoặc đất rừng kiểu trạng thái Ic (không có trữ lượng gỗ), không có nguồn thu từ rừng.

- Cháy rừng diễn biến hết sức phức tạp và luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy cao ở hầu hết các địa phương trong tỉnh, do đó các địa phương cần tổ chức thực hiện tốt Phương án PCCCR và Quy chế phối hợp giữa 03 lực lượng (Công an, Quân đội, Kiểm lâm) từ cấp huyện, đến các xã trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR; kịp thời huy động đủ lực lượng tham gia chữa cháy, làm tốt công tác chỉ huy chữa cháy, các biện pháp chữa cháy rừng; đảm bảo an toàn cho con người và phương tiện dụng cụ tham gia chữa cháy rừng.

Phần 2

KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

1. Bảo vệ phát triển bền vững diện tích rừng tự nhiên hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

2. Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân miền núi tham gia nghề rừng; góp phần thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang từ nay đến 2020.

3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất gắn với phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Mục tiêu đến năm 2020, nâng độ che phủ rừng lên 38%.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đối với công tác lãnh đạo quản lý, bảo vệ, phát triển rừng ở địa phương.

2. Bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo tồn thiên nhiên

a) Bảo vệ rừng: Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, phòng hộ. Đầu tư kinh phí bảo vệ rừng với diện tích là 31.500 ha, trong đó khoán bảo vệ rừng 17.788 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 13.712 ha;

Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, trong đó diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ vi phạm giảm 10-15% so với năm 2018;

b) Phòng cháy, chữa cháy rừng: Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy rừng, tập chung xây dựng một số công trình phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu rừng trọng điểm cháy có nguy cơ cháy cao, thông qua các dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: Xây dựng mới 30 km đường băng trắng cản lửa; tu bổ, nâng cấp 60 km đường băng cản lửa; hạ cấp thực bì trước mùa cháy 60 ha; thi công lắp đặt biển tin, biển báo, biển cấm lửa rừng, các chòi canh lửa và mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động,... phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Bảo tồn thiên nhiên: Tiếp tục chính sách hỗ trợ cho cộng đồng dân cư vùng đệm (10 thôn, bản, kinh phí hỗ trợ 400 triệu đồng); thực hiện cấm mồi ranh giới các khu rừng đặc dụng, phòng hộ (440 mồi, kinh phí thực hiện 1.950,0 triệu đồng); Bảo vệ và phát triển các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp; bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng,...

2. Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung 20,0 ha;

- Chăm sóc rừng trồng 16.200,0 ha, gồm:

+ Chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng 553,0 ha.

- + Chăm sóc rừng sản xuất 15.648,0 ha.
- Trồng rừng tập trung 5.000,0 ha, gồm:
- + Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 120,0 ha.
- + Trồng rừng sản xuất 4.880,0 ha
- Trồng cây phân tán 1,5 triệu cây.

- Xây dựng vườn cây đầu dòng giống Bạch đàn lai UG24 và UG54 là các giống có năng suất cao, chất lượng tốt mới được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đưa vào sản xuất quy mô 2.000m² và 10.000 cây đầu dòng nhằm chủ động nguồn giống tại chỗ cung cấp cho kế hoạch trồng rừng của tỉnh.

3. Khai thác gỗ và lâm sản: Thực hiện khai thác rừng trồng từ 400.000 m³ trở lên.

4. Các hoạt động khác

- Tiếp tục đôn đốc các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định của Nhà nước.

- Xây dựng 28 km đường lâm nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển vật tư trồng rừng và khai thác rừng trồng sau này.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tổ chức tuyên truyền qua các kênh thông tin truyền thông về giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của rừng; thường xuyên thông báo cấp dự báo cháy rừng xuống các địa phương để chủ động phòng ngừa.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các chủ trương chính sách pháp luật về bảo vệ rừng và phát triển rừng, đặc biệt là các nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ rừng của các cơ quan chức năng, các cấp ủy chính quyền và người dân;

- Tiếp tục vận động các hộ gia đình sống gần rừng, ven rừng ký cam kết bảo vệ rừng và tham gia chữa cháy rừng; tổ chức xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng tại các cộng đồng dân cư thôn có rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp sang thâm canh, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn.

2. Về quản lý quy hoạch và đất lâm nghiệp

- Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Quản lý chặt chẽ đất đai có nguồn gốc từ nông lâm trường quốc doanh; giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp. Thực hiện nghiêm các quy định về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Xử lý nghiêm các chủ dự án vi phạm quy định trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng; kiên quyết đình chỉ, thu hồi các dự án cố tình sai phạm các quy định về pháp luật vào vệ và phát triển rừng; đồng thời xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm thiếu trách nhiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt cấp phép đầu tư.

- Chỉ đạo rà soát lại tình hình quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp theo thực tế; có biện pháp quản lý tình trạng mua bán, chuyển nhượng đất rừng tự nhiên trái phép; xử lý trách nhiệm đối với các chủ rừng không thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy để xảy ra cháy rừng, phá rừng, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích.

3. Về bảo vệ rừng

- Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có; bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, phòng hộ; không chuyển rừng phòng hộ sang mục đích khác; không cho phép cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt sang trồng rừng kinh tế.

- Tăng cường tuần tra, truy quét, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp phá, lấn, chiếm, khai thác rừng trái phép, tự ý chuyển đổi loại rừng; quản lý chặt chẽ việc xác định nguồn gốc lâm sản và cấp phép khai thác vận chuyển lâm sản theo đúng quy định; xử lý nghiêm các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng

4. Công tác lập hồ sơ quản lý; hoàn thành việc giao, cho thuê rừng; sắp xếp chuyển đổi các công ty lâm nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ quản lý rừng trên cơ sở kết quả kiểm kê rừng; triển khai thực hiện cắm mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa. Tỉnh Bắc Giang cơ bản đã hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng đối với những diện tích rừng chưa giao, cho thuê.

- Tăng cường công tác quản lý đối với các doanh nghiệp thuê rừng và đất lâm nghiệp, hàng năm kiểm tra, đánh giá kết quả, hiệu quả thuê rừng của các công ty thuê rừng. Thực hiện tốt việc định giá rừng; xử lý dứt điểm các trường hợp đất rừng cho thuê, cho mượn, bị lấn chiếm, tranh chấp, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư không đúng quy định. Khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm đất rừng trái pháp luật, giữa các địa phương và giữa người dân địa phương với các đơn vị quản lý đất lâm nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, chuyển đổi các công ty lâm nghiệp trên địa bàn theo phương án đã được phê duyệt.

5. Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm

Tạo bước đột phá nâng cao giá trị, hiệu quả đối với rừng trồng sản xuất, cụ thể:

- Về công tác giống: Tăng cường quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, thực

hiện cấp chứng chỉ nguồn giống đạt tiêu chuẩn theo quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp của Bộ Nông nghiệp và PTNT; công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các cơ sở đủ điều kiện sản xuất cung ứng giống. Sưu tầm, chọn lọc bộ giống cây trồng chủ lực phù hợp điều kiện của từng địa phương để khuyến cáo nhân dân trồng rừng.

- Về kỹ thuật lâm sinh (làm đất, trồng, chăm sóc rừng): chỉ đạo thực hiện tốt quy trình, kỹ thuật thâm canh rừng trồng, từng bước áp dụng cơ giới hóa vào khâu làm đất, thực hiện tía thưa, tía cành, chuyển hóa rừng trồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng gỗ nguyên liệu;

- Về xây dựng mô hình, chuyển giao kỹ thuật: chú trọng xây dựng các mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ chất lượng; mô hình chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; mô hình tu bổ làm giàu rừng tự nhiên,... trên cơ sở đó tổng kết đề xuất cơ chế chính sách cụ thể của địa phương và tuyên truyền, phổ biến, chuyển giao kỹ thuật.

6. Về thị trường

- Từng bước triển khai xây dựng các mô hình kinh doanh rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) để có thể mở rộng xuất khẩu sản phẩm gỗ sang thị trường các nước Mỹ, EU, Nhật Bản,...

- Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào lâm nghiệp, tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa nhà máy chế biến với các hộ gia đình, doanh nghiệp theo chuỗi hành trình sản phẩm từ khâu tạo nguyên liệu tới khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm,...

7. Về hợp tác quốc tế

Tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng tăng cường liên kết từ khâu sản xuất nguyên liệu (trồng rừng) cho tới khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Khuyến khích các nhà máy chế biến liên kết đầu tư trồng rừng nguyên liệu với các chủ rừng là tổ chức (Công ty lâm nghiệp, BQL rừng) hoặc hộ gia đình cá nhân để trồng, chăm sóc rừng bán sản phẩm gỗ cho nhà máy theo hợp đồng. Khuyến khích việc tích tụ đất đai hình thành các trang trại gia đình trồng rừng có quy mô lớn; hoặc tự nguyện thành lập các nhóm hộ để liên kết trồng rừng cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến,...

IV. NHU CẦU VỐN

1. Tổng dự toán nhu cầu vốn là: 239.424,0 triệu đồng (Hai trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi tư triệu đồng). Trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước : 34.756,0 triệu đồng;
- + Ngân sách Trung ương : 26.330,0 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương : 8.426,0 triệu đồng.
- Vốn hợp pháp khác : 178.338,0 triệu đồng.

Nguồn vốn ngân sách nhà nước: **34.756,0 triệu đồng**, chi tiết như sau:

Chia theo nguồn vốn (tr.đ)													
Ngân sách nhà nước													
Chia ra													
TT	Hạng mục	Khối lượng (ha)	Mức đầu tư, hỗ trợ (tr.đ)	Tổng NSNN	Trong đó		Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			
					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
								Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG			34.756	17.851	16.905	26.330	16.762	9.567	8.426	1.089	7.337	
I	BẢO VỆ RỪNG	31.500	-	28.365	12.000	16.365	21.467	12.000	9.467	6.897	-	6.897	
1	Khoán bảo vệ rừng	17.788		7.090	-	7.090	6.817	-	6.817	272	-	272	
2	Hỗ trợ bảo vệ rừng	13.712	-	5.885	-	5.885	400	-	400	5.485	-	5.485	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy rừng			13.140	12.000	1.140	12.000	12.000	-	1.140	-	1.140	
4	Bảo tồn thiên nhiên		-	2.250	-	2.250	2.250	-	2.250	-	-	-	
II	PHÁT TRIỂN RỪNG			6.291	5.851	-	4.762	4.762	-	1.529	1.089	440	
1	KN tái sinh rừng	20	22	440	-	-	-	-	-	440	-	440	
2	Trồng rừng	5.000		2.840	2.840	-	1.960	1.960	-	880	880	-	
3	Chăm sóc rừng	16.200		2.479	2.479	-	2.369	2.369	-	110	110	-	
4	Cải tạo rừng			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Trồng cây phân tán	1.500	2,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Nhiệm vụ khác			532	532	-	433	433	-	99	99	-	
III	SỬ DỤNG RỪNG												
1	Khai thác rừng tự nhiên			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Khai thác rừng trồng	400.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG		0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
V	NHIỆM VỤ KHÁC (Hoạt động của Văn phòng BCD Chương trình mục tiêu phát triển LNBV)		-	100	-	-	100	-	100	-	100	-	

2. Cơ chế huy động vốn

Tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa nghề rừng, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư phát triển rừng sản xuất, nâng cao giá trị của rừng, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của Trung ương và các Tổ chức quốc tế cho kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

Lồng ghép nguồn vốn Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, dự án khác trên địa bàn tỉnh, trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương đầu tư cho trồng, rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ, rừng trồng đặc dụng; hỗ trợ cho trồng mới rừng sản xuất; đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng; chi khác (chi phí quản lý, chi chuẩn bị đầu tư...) thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của Nhà nước bảo đảm cho việc khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và các chi phí sự nghiệp khác theo quy định hiện hành.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung cho các hạng mục trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng; hỗ trợ cho bảo vệ rừng đặc dụng theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với hỗ trợ cho bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo chính sách hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh.

Huy động tối đa các nguồn vốn khác vào đầu tư bảo vệ và phát triển rừng (Viện trợ nước ngoài, nguồn thu từ trồng rừng thay thế, nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng; vốn của các tổ chức doanh nghiệp, chủ rừng,...).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang; có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững của tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định của nhà nước để các cấp chính quyền cơ sở và các chủ rừng biết và chấp hành; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình, kế quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung kế hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2019, cụ thể:

- Chi cục Kiểm lâm: Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện kế hoạch; tham mưu giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết; thực hiện rà soát, xây dựng, điều chỉnh các đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo chức năng nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện các hạng mục bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

- Trung tâm Giống cây trồng: Thực hiện chuyên giao và sản xuất cây giống gốc từng bước sản xuất cung ứng cây đầu dòng cung cấp nguồn giống cho các cơ sở sản xuất cây giống trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Khuyến nông, khuyến ngư: Lựa chọn và tổ chức triển khai xây dựng các mô hình trồng rừng bằng giống mới được chuyên giao đã được công nhận để đánh giá đưa vào nhân rộng sản xuất.

- Các Ban quản lý rừng Phòng hộ, đặc dụng: Trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2019; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện các hạng mục bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, vốn đầu tư ngân sách tỉnh hàng năm đảm bảo mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2019.

3. Sở Tài chính: Tham mưu phân bổ vốn sự nghiệp của trung ương, tỉnh hàng năm đảm bảo mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2019.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chỉ đạo hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính trong công tác giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp; hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đơn vị được giao quản lý đất lâm nghiệp.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan có liên quan nghiên cứu trồng thử nghiệm một số giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất chất lượng cao để đưa vào trồng rừng trên địa bàn tỉnh.

6. Các Sở, ban ngành khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này.

7. Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh các hoạt động tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên gương mẫu chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

8. Báo Bắc Giang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh: Tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, quản lý của tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tới các tầng lớp nhân dân để tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện.

9. UBND các huyện, thành phố

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Chi cục Kiểm lâm, các Ban ngành có liên quan thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2019 trên địa bàn huyện.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để khuyến khích thu hút đầu tư cho phát triển lâm nghiệp trên địa bàn.

10. Các doanh nghiệp lâm nghiệp: Căn cứ vào phương án kinh doanh của đơn vị tổ chức thực hiện tốt các nội dung kế hoạch nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2019.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 tỉnh Bắc Giang./.

(Chi tiết có các biểu mẫu đính kèm)

ds
Nơi nhận:

- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ;
- Chi cục Kiểm lâm (3b);
- UBND các huyện, thành phố;
- Các công ty TNHH hai thành viên lâm nghiệp;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, CNN, TKCT;
 - + Lưu VT, NN.Thăng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thái

Dương Văn Thái